

Số: 48/2020/QĐST-HNGĐ

Phù Cừ, ngày 30 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1991;  
Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H1, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên;  
Nơi ở hiện nay: Thôn H2, xã T, huyện H3, tỉnh Thái Bình.

**Bị đơn:** Anh Trần Văn T1, sinh năm 1990;  
Địa chỉ: Thôn H1, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành được lập ngày 22 tháng 7 năm 2020;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành được lập ngày 22/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn T1.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:
  - 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T1 tự nguyện thuận tình ly hôn.
  - 2.2. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T1 xác định vợ chồng có một con chung là cháu Trần Linh T2, sinh ngày 05/10/2018. Chị H và anh T1 thoả thuận: Giao cháu Trần Linh T2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng từ

tháng 7/2020 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. Về phần tài sản: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T1 đều xác định không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không vướng mắc về tài sản với người khác, ruộng canh tác không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác.

2.4. Về án phí: Chị Trần Thị H tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ, (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 003752 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên; chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả chị Trần Thị H 150.000đ, (một trăm năm mươi nghìn đồng) của số tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã Đ;
- ( Số 95 ngày 28/12/2017)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Đình Hiền**